

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: DƯỢC HỌC;

Chuyên ngành: QUẢN LÝ - KINH TẾ DƯỢC

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: VÕ QUANG TRUNG

2. Ngày tháng năm sinh: 12/03/1987; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: VIỆT NAM;

Dân tộc: KINH;

Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

140/3 Đường Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

140/3 Đường Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:x.....; Điện thoại di động: 0988422654;

E-mail: trungvq@pnt.edu.vn

hoặc voquangtrungdk@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2011 đến năm 2018

Giảng viên Bộ môn Quản lý Dược, Khoa Dược, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Từ năm 2018 đến năm 2020

Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản lý - Kinh tế Dược, Khoa Dược, Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn Quản lý - Kinh tế Dược, Phụ trách Điều hành Văn Phòng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phụ trách Điều hành Bộ môn Quản lý - Kinh tế Dược.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Dược, Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

Địa chỉ cơ quan: Số 02 Dương Quang Trung (số cũ: 86/2 Thành Thái), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 02838.652.435

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 10 năm 2011, ngành: DƯỢC, chuyên ngành: DƯỢC HỌC.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 07 năm 2013, ngành: LUẬT, chuyên ngành: LUẬT.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 06 năm 2016, ngành: DƯỢC HỌC, chuyên ngành: Xã hội học, Kinh tế và Quản lý Dược.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học MAHIDOL, THÁI LAN.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu của ứng viên - TS. Võ Quang Trung - tập trung vào bốn hướng chính bao gồm: (1) Kinh tế dược (*Pharmacoeconomics*); (2) Tình trạng/hiệu quả điều trị (*Health Outcomes*); (3) Sức khỏe cộng đồng (*Community Health*) và (4) Quản lý Dược (*Administrative Pharmacy*).

Kinh tế dược (Pharmacoeconomics)

Nghiên cứu kinh tế dược với các đề tài được ứng viên thực hiện theo ba hướng chính, bao gồm (i) Khảo sát chi phí các dịch vụ y tế trong bệnh viện công lập tuyến tỉnh và thành phố nhằm giúp các bệnh viện xác định đúng chi phí thực hiện, tiến tới xây dựng giá dịch vụ hợp lý đáp ứng nhu cầu tự chủ tài chính và nâng cao chất lượng dịch vụ cho người bệnh; (ii) Khảo sát chi phí điều trị/gánh nặng bệnh tật gây ra trên các quan điểm (góc nhìn) khác nhau như người bệnh, bệnh viện, cơ quan chi trả như bảo hiểm y tế hay tác động trực tiếp lên xã hội; (iii) Xây dựng mô hình phân tích, đánh giá chi phí-hiệu quả của thuốc/vắc xin và các liệu pháp điều trị.

Chất lượng cuộc sống (Quality of life)

Các nghiên cứu về CLCS công bố trên các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các nghiên cứu khảo sát, phân tích CLCS liên quan đến sức khỏe (Health-related quality of life), chủ yếu thực hiện trên đối tượng người bệnh mạn tính như chàm, viêm xoang mạn, đái tháo đường, bệnh thận mạn, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính,... và nghiên cứu đánh giá CLCS liên quan đến nơi làm việc (Work-related quality of life).

Sức khỏe cộng đồng (Community health)

Các nghiên cứu liên quan đến Sức khỏe cộng đồng được thực hiện theo các chủ đề chính, bao gồm các nghiên cứu về thuốc generic, các nghiên cứu về bệnh viêm gan siêu vi B, các nghiên cứu về bệnh sốt xuất huyết,

Quản lý Dược (Administrative Pharmacy)

Trong giai đoạn 2015-2020, ứng viên đã thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý Dược liên quan đến các vấn đề như tình hình sản xuất và tiêu thụ dược liệu-thuốc cổ truyền, tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng tại bệnh viện, sự hài lòng của người chăm sóc đối với dịch vụ y tế, lĩnh vực làm việc của sinh viên Dược sau khi tốt nghiệp,

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 50 bài báo KH, trong đó 38 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó 02 thuộc Nhà xuất bản Y học;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Bản thân đã hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy; chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường đặt ra; và thực hiện các quy định về chế độ làm việc đối với chức danh giảng viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 09 năm 06 tháng (01/2011-06/2020).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD /CK1	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ				
1	2010-2011	-	-	-	-	115	115/140/140 ⁽¹⁾
2	2011-2012	-	-	-	-	265	265/320/280
3	2012-2013	Đi học Nghiên cứu sinh giai đoạn 2012-2016 tại Đại học Mahidol, Thái Lan ⁽²⁾					
4	2013-2014						
5	2014-2015						
6	2015-2016						
7	2016-2017	-	-	-	02 ĐH	515	515/761,1/270
3 năm học cuối							
8	2017-2018	-	-	-	02 ĐH 03 CK1	410	410/706,75/270
9	2018-2019	-	-	01 ⁽³⁾ ThS	03 CK1	180	180/378/270
10	2019-2020 ⁽⁴⁾	-	01 ⁽⁵⁾	03 ⁽⁶⁾ ThS	-	228	228/327 ⁽⁷⁾ /216
(1): Số giờ giảng định mức được tính cho Học kỳ 2 năm học 2010-2011. (2): Ngày tốt nghiệp tiến sĩ trên bằng: 29/06/2016. (3): Học viên Cao học: Hướng dẫn chính. (4): Năm học 2019-2020 được miễn giảm: 20% (Theo Quyết định bổ nhiệm Trưởng Bộ môn Quản lý - Kinh tế Dược số 1514/QĐ-TĐHYKPNT của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch). Số giờ định mức theo quy định: 216 tiết. (5): Nghiên cứu sinh: Đồng hướng dẫn đã bảo vệ ngày 04/03/2020 và đang chờ Quyết định công nhận tốt nghiệp. (6): Học viên Cao học: Hướng dẫn chính - bảo vệ năm 2020 (dự kiến). (7): Số giờ quy đổi của hướng dẫn học viên Cao học/NCS chưa tính vì chưa có tổng kết giờ giảng của các CSĐT.							

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Thái Lan năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Chứng chỉ tương đương cấp độ B2 theo Khung CEFR B2

Giấy chứng nhận Năng lực tiếng Anh của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh (Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam - tương đương cấp độ B2 theo Khung CEFR) theo Quyết định số 931/QĐ-ĐHSP ngày 04/04/2018).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Huỳnh Phương Thảo		✓	✓		2018-2019	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	25/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án TS							
-	-	-	-	-	-	-	-
Sau khi bảo vệ luận án TS							
1	Pháp chế Dược ¹	GT	Nhà xuất bản Y học, 2020	6	Đồng chủ biên (Số lượng: 02)	Phần đồng biên soạn ³ bài 2 (tr. 17-69), 3 (tr. 70-162), 5 (tr. 176-200), 6 (tr. 201-224), 7 (tr. 225-258), 8 (tr. 259-278)	Quyết định số 1711/GCN-TĐHYKPNT (15/05/2020)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

2	Các nguyên tắc thực hành tốt ²	GT	Nhà xuất bản Y học, 2020	6	Đồng chủ biên (Số lượng: 02)	Phần đồng biên soạn ⁴ bài 3 (tr. 41-57), 4 (tr. 58-70), 5 (tr. 71-82), 9 (tr. 125-207)	Quyết định số 1710/GCN-TĐHYKPNT (15/05/2020)
---	---	----	--------------------------	---	------------------------------	---	--

¹ Số xác nhận đăng ký xuất bản: 731 - 2020/CXBIPH/6 - 16/YH; Quyết định xuất bản số: 71/QĐ - XBYH ngày 26/03/2020; ISBN: 978-604-66-4140-7;

² Số xác nhận đăng ký xuất bản: 731 - 2020/CXBIPH/5 - 16/YH; Quyết định xuất bản số: 69/QĐ - XBYH ngày 25/03/2020; ISBN: 978-604-66-4139-1

^{3,4}: Theo Quyết định phân công biên soạn của Khoa Dược, Trường ĐHY khoa Phạm Ngọc Thạch

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án TS					
-	-	-	-	-	-
Sau khi bảo vệ luận án TS					
1	Phân tích chi phí điều trị sốt xuất huyết tại bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi (CT)	CN	Mã đăng ký: 233/17 (Cơ sở/Trường)	07/2017-08/2018	Quyết định nghiệm thu đề tài KHCN cấp Cơ sở số 1056/QĐ-ĐHYD ngày 18/04/2018 GCN số: 2017 3 3 233/GCN-NCKH KQ: Khá
2	Phân tích chi phí bệnh đái tháo đường tại Trung tâm Y tế huyện	CN	Mã đăng ký: 234/17	07/2017-08/2018	Quyết định nghiệm thu đề tài KHCN cấp Cơ sở số 1056/QĐ-

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (CT)		(Cơ sở/ Trường)		ĐHYD ngày 18/04/2018 GCN số: 2017 3 3 234/GCN-NCKH KQ: Trung bình
--	---------------------------------------	--	--------------------	--	---

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
TRƯỚC KHI BẢO VỆ TIẾN SĨ								
1	Khảo sát, đánh giá tình hình sản xuất và kinh doanh thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu trên địa bàn TP.HCM	4	+	Tạp chí Y học TPHCM (ISSN 1859-1779)			16,1,235-242	2012
2	Phân tích chi phí hiệu quả của tiêm chủng vắc xin cúm cho trẻ em dưới 6 tuổi tại Việt Nam	3		Tạp chí Y học thực hành (ISSN 1859-1663)			918,125-129	2014
3	Khảo sát lĩnh vực việc làm của Dược sĩ đại học hệ chính quy Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2011	5		Tạp chí Y học TPHCM (ISSN 1859-1779)			19,3,612-617	2015
4	Khảo sát kiến thức tổng quát và thái độ phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B	6		Tạp chí Y học TPHCM (ISSN 1859-1779)			19,3,618-623	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
	của sinh viên Khoa Dược – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh							
5	Ứng dụng mã số mã vạch trong Khoa Dược bệnh viện trực thuộc các trường Đại học tại Thái Lan và Việt Nam	5	+	Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			19,3,624-630	2015
6	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người nhà người bệnh đối với các dịch vụ y tế tại Trung tâm Dinh dưỡng TP. Hồ Chí Minh	2		Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			20,2,64-71	2016
7	Đánh giá chi phí dịch vụ y tế tại Bệnh viện Thành phố Pleiku Gia Lai	2		Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			20,2,72-78	2016
8	Xây dựng và đánh giá phiên bản Tiếng Việt của bộ câu hỏi WHOQOL-OLD của Tổ chức Y tế Thế giới	2		Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			20,2,79-85	2016
SAU KHI BẢO VỆ TIẾN SĨ								
9	Chi phí điều trị bệnh giống cúm tại nhà thuốc của một số tỉnh, thành phố khu vực phía Nam	2	+	Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			21,1,259-265	2017
10	Chi phí điều trị ngoại trú bệnh cúm và giống cúm tại một số phòng khám và bệnh viện khu vực phía Nam	3	+	Tạp chí Y học TP HCM (ISSN 1859-1779)			21,1,273-279	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
11	Chi phí điều trị bệnh cúm tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2015	5	+	Tạp chí Y học TPHCM (ISSN 1859-1779)			21,1,266-272	2017
12	Economic report on the cost of dengue fever in Vietnam: case of a provincial hospital	4	+	ClinicoEconomics and Outcomes Research, ISSN: 1178-6981	ISI, SCOPUS (IF=2,6; Q1), PubMed		9,1-8	2017
13	Direct medical costs of dengue fever in Vietnam: A retrospective study in a tertiary hospital	3	+	Malaysian Journal of Medical Sciences, ISSN: 1394-195X; 2180-4303	ISI, SCOPUS (IF=1,4; Q3), PubMed		24,3,66-72	2017
14	Type 2 diabetes in Vietnam: A cross-sectional, prevalence-based cost-of-illness study	3	+	Diabetes Metabolic Syndrome and Obesity Targets and Therapy, ISSN: 1178-7007	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=2,7; Q2), PubMed		10,363-374	2017
15	Social and economic burden of patients with influenza-like illness and clinically diagnosed flu treated at various health facilities in Vietnam	4	+	ClinicoEconomics and Outcomes Research, ISSN: 1178-6981	ISI, SCOPUS (IF=2,6; Q1), PubMed		9,423-432	2017
16	Medical Students' Knowledge, Awareness, Perceptions, and Practice Regarding Contraceptive Use in Vietnam	2	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S81-S89	2018
17	Impact of Chronic Kidney Disease on Health-Related Quality of Life: A Prospective	4	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 66-LC71	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
	Observational Study using the KDQoL-36 Instrument							
18	Customers' preferences and willingness to pay for a future dengue vaccination: a study of the empirical evidence in Vietnam	3	+	Patient Preference and Adherence, ISSN: 1177-889X	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=3,5; Q1), PubMed		12, 2507–2515	2018
19	Hospital cost analysis in developing countries: A methodological comparison in Vietnam	5	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S8-S18	2018
20	Economic aspects of post-stroke rehabilitation: A retrospective data at a traditional medicine hospital in Vietnam	6	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 05-LC10	2018
21	Measurement and determinants of quality of life of older adults in Ho Chi Minh City, Vietnam	4		Social Indicators Research, ISSN: 1573-0921, 0303-8300	ISI (SSCI), SCOPUS (IF=3,5; Q1)		142,3,12 85–1303	2018
22	Socioeconomic Burden of Community-acquired Pneumonia Associated Hospitalizations among Vietnamese Patients: A Prospective, Incidence-based Study	5	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S38-S47	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
23	Assessment of health-related quality of life in patients with Type 2 diabetes mellitus: A population-based study at a tertiary hospital	4	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 44-LC51	2018
24	Economic burden of multidrug-resistant tuberculosis: a multicenter study across Vietnamese regions	12		International Journal of Tuberculosis and Lung Disease, ISSN: 1027-3719	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=3,9; Q1), PubMed		22,8,912 -917	2018
25	A Cross-sectional Study Exploring the Knowledge, Perceptions, and Factors Influencing Prescriptions of Vietnamese Physicians with regard to Generic Medicines	6	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S73 -S80	2018
26	Health-related Quality of Life of Vietnamese patients with Chronic Obstructive Pulmonary Disease	4	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 85-LC91	2018
27	Exploring knowledge and attitudes toward the hepatitis B virus: an internet-based study among Vietnamese healthcare students	3	+	Journal of Pharmacy & Pharmacognosy Research, ISSN: 0719-4250	ISI, SCOPUS (IF=0,9; Q3)		6, 6, 458-470	2018
28	Chi phí dịch vụ y tế theo phương pháp dựa trên tỷ lệ chi phí và phí tổn (RCC),	5	+	Tạp chí Y học TPHCM (ISSN 1859-1779)			22,3,384 -390	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
	phương pháp vi chi phí (Micro-costing) và phương pháp dựa trên tỷ trọng (RVU) tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh							
29	Pharmacy students' perceptions of generic medicines in Southern Vietnam	2	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S57-S64	2018
30	Quality of working life among pharmacists in Vietnam: A preliminary study using an Internet-based survey	2	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 16-LC20	2018
31	Acceptance and perceptions of generic substitution among pharmacists: A preliminary study in Vietnam	5	+	Journal of Pharmacy & Pharmacognosy Research, ISSN: 0719-4250	ISI, SCOPUS (IF=0,9; Q3)		6,3,136-147	2018
32	Current status of knowledge about and attitudes toward the Hepatitis B virus at a private university in Southern Vietnam: A cross-sectional self-reported study	3	+	Asian Journal of Pharmaceutics; ISSN: 1998-409X, 0973-8398	ISI		12,1,S99-S112	2018
33	Economic consequences of treating Type-2 diabetes mellitus in a private hospital: A fiscal, analytical	4	+	Journal of Clinical and Diagnostic Research, ISSN: 0973-709X	ISI		12,6,LC 59-LC65	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
	approach (2013-2017)							
34	The economic impact of asthma treatment on patients, 2014-2017: The Vietnamese experience from a public hospital	6	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6(Sup. 2),S2-S9	2019
35	The economic burden attributable to asthmatic inpatients and outpatients in a military hospital, Vietnam: A retrospective 5-year analysis	5	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2), S41-S48	2019
36	Cost of healthcare services in patients with chronic rhinosinusitis from the public hospital perspective: a retrospective prevalence-based costing approach	1	+	Journal of Pharmacy & Pharmacognosy Research, ISSN: 0719-4250	ISI, SCOPUS (IF=0,9; Q3)		7,2,126-134	2019
37	Non-surgical chronic rhinosinusitis and quality of life: A Vietnamese perspective	5	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2),S20-S27	2019
38	Health-related quality of life (HRQoL) and health state utilities with chronic hepatitis-B (CHB): A population-based survey in Vietnam	2	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2),S80-S86	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
39	Knowledge, attitudes, and practices among university students in relation to dengue fever: A multi-center study across Vietnamese regions	6	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2), S96-S107	2019
40	Analyzing the variation in treatment costs for colorectal cancer (CRC): A retrospective study to assess an underlying threat among the Vietnamese	3	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2), S34-S40	2019
41	Quality of life measurement alteration among Vietnamese: Impact and treatment benefit related to eczema	3	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2), S49-S56	2019
42	Economic outcomes among chronic obstructive pulmonary disease Vietnamese patients: Approach considerations from a social perspective	2	+	Journal of Pakistan Medical Association, ISSN: 0030-9982	ISI (SCIE), SCOPUS (IF=0,8; Q3), PubMed		69, 6 (Sup. 2), S64-S74	2019
43	Psychometric properties of the World Health Organization Quality of life instrument, short form: Validity in the Vietnamese healthcare context	5	+	Systematic Reviews in Pharmacy, ISSN: 0975-8453, E-ISSN: 0976-2779	SCOPUS (IF=2,4; Q2)		11,1,14-22	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
44	Health-related quality of life among undergraduate dentistry students in Ho Chi Minh, Vietnam: A cross-sectional WHOQOL-BREF study	3	+	Journal of Pharmacy & Pharmacognosy Research, ISSN: 0719-4250	ISI, SCOPUS (IF=0,9; Q3)		8,3,201-210	2020
45	Trends in the Use of Surgical Antibiotic Prophylaxis at a Provincial Hospital in Vietnam	8	+	Archives of Pharmacy Practice, ISSN: 2320-5210 / 2045-080X	ISI		11, 1, 32-39	2020
46	Perceptions of Managerial Competency among Pharmacy Department Heads in Vietnamese Hospitals	5		Systematic Reviews in Pharmacy, ISSN: 0975-8453	SCOPUS (IF=2,4; Q2)		11,2,422-426	2020
47	Effect of sociodemographic factors on quality of life of medical students in southern Vietnam: A survey using the WHOQOL-BREF assessment	3	+	Journal of Pharmacy & Pharmacognosy Research, ISSN: 0719-4250	ISI, SCOPUS (IF=0,9; Q3)		8,3,211-224	2020
48	Anxiety and Depression According to the Hospital Anxiety Depression Scale in Patients with Acne Vulgaris at the Ho Chi Minh City Hospital of Dermato-	5		Systematic Reviews in Pharmacy, ISSN: 0975-8453	SCOPUS (IF=2,4; Q2)		11,2,14-21	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

STT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm
	Venereology, Vietnam							
49	Trends in Prescribing Antibiotic Therapy for Hospitalized Patients with Community-Acquired Pneumonia in Vietnam	7	+	Archives of Pharmacy Practice, ISSN: 2320-5210 / 2045-080X	ISI		11, 1, 14-21	2020

⁺: Tác giả chính: Tác giả đầu tiên và/(hoặc) tác giả liên hệ. ISI = WoS - Web of Science.
Chỉ số IF là chỉ số CiteScore của hệ thống SCOPUS năm 2019/2020 (Cập nhật: 25/06/2020).

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 00

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Không có			

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 00

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 00

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia chương trình xây dựng Đại học và Cao học Dược lý - Dược lâm sàng liên kết với Đại học Grenoble, Pháp theo Quyết định số 334/QĐ-TĐHYKPNT ngày 29/01/2019.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Trung Quang Võ^a, Thao Thi Phuong Pham. *Revisiting dengue-related knowledge, attitudes and practices: A cross-sectional study in Ho Chi Minh City, Vietnam, 2018*. Journal of the Pakistan Medical Association. 2019;69 (Suppl 2) (6): S108-S117. ISSN: 0030-9982; Indexed in ISI (SCIE), SCOPUS-Q3.

^a: Tác giả chính: Tác giả đầu tiên và/(hoặc) Tác giả liên hệ.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

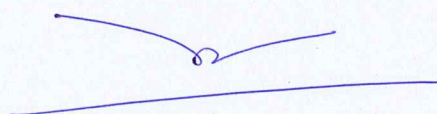
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. VÕ QUANG TRUNG